

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 22 – 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang

2. Ông Đào Văn Rạng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 04 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/HSST ngày 08/5/2020 đối với:

Bị cáo Lê Văn D, sinh năm 1967 tại Nam Định;

Nơi cư trú: Đội 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1930, đã chết năm 2004 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1929, hiện đang ở Đội 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có vợ là: Trần Thị C, sinh năm 1971. Hiện đang lao động tự do tại thành phố Nam Định; Có 2 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo Lê Văn D bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 12/01/2020 đến ngày 15/01/2020 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1988; Địa chỉ: Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Đội 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 12/01/2020, tại khu vực đường dong thuộc đội 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, tổ công tác Công an huyện N phát hiện bắt quả tang Lê Văn D đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lê Văn Ch. Thu giữ của Lê Văn Ch 01 gói nhỏ, vỏ gói là giấy màu trắng, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng (niêm phong ký hiệu M), Ch khai đó là 01 gói Heroine vừa mua của D với giá 200.000 đồng. Thu giữ của D số tiền 200.000 đồng, có số sêri CR 09854191, D khai đó là tiền vừa bán 01 gói Heroine cho Ch mà có. Ngoài ra còn thu giữ của D 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, có số thuê bao 0947.708.519 và 01 xe mô tô, nhãn hiệu SUFAT, sơn màu nâu, biển số 18L1-148.80, đều đã qua sử dụng (xe mang tên chị Trần Thị Th là chị dâu của Lê Văn D). Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn D ở Đội 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, cơ quan Công an thu giữ trên nắp thùng sơn để ở trong bếp 01 gói nhỏ, vỏ gói là giấy màu vàng, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng (Niêm phong ký hiệu K); D khai nhận đó là heroine D mua về để bán kiếm lời.

Tại bản kết luận giám định số 78/GĐKTHS ngày 13/01/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 02 phong bì niêm phong ký hiệu M và K gửi giám định đều là ma túy; loại ma túy: Heroine; khối lượng mẫu M là 0,041 gam, khối lượng mẫu K là 0,025 gam.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Lê Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 11/01/2020, D đi xe buýt từ xã N lên khu vực cầu Ng thuộc xã Ng, huyện N mua 01 gói Heroine của 01 người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 300.000 đồng. Sau khi mua xong, D bắt xe buýt về nhà, chia 01 gói heroine vừa mua được thành 03 gói nhỏ, mục đích để bán kiếm lời. Tối ngày 11/01/2020, D sử dụng hết 01 gói Heroine. Đến khoảng 10 giờ ngày 12/01/2020, Lê Văn Ch gọi điện thoại vào số thuê bao 0947.708.519 của D hỏi mua 200.000 đồng tiền Heroine. D đồng ý và hẹn Ch đến khu vực đường dong thuộc đội 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định để giao dịch. D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, sơn màu nâu, biển số 18L1-

148.80, đã qua sử dụng đến chỗ hẹn để bán ma túy cho Ch. Khi đến nơi, Ch đưa cho D 200.000 đồng, D cầm tiền và đưa lại cho Ch 01 gói heroine thì bị bắt quả tang.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Lê Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như tội danh và điều luật đã nêu; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Văn D từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm tù; Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng; Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Lê Văn D tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ 10 phút ngày

12/01/2020, tại khu vực đường dong thuộc đội 3, Phú Thọ, xã Nghĩa Hải, huyện N, tỉnh Nam Định, Lê Văn D đã có hành vi bán trái phép 0,041 gam Heroine cho Lê Văn Ch thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, D còn cất giấu 0,025 gam Heroine, mục đích để bán kiếm lời. Tổng khối lượng Heroine, D dùng để bán trái phép là 0,066 gam. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lê Văn D đã xâm phạm tới chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang tích cực đấu tranh phòng chống các tệ nạn ma túy, nhằm loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn kỷ cương tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác ngày 18/12/2006, mẹ đẻ của Lê Văn D là bà Nguyễn Thị M được Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tặng Bằng khen vì đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy gia đình bị cáo khó khăn, không sở hữu tài sản lớn có giá trị. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với phong bì niêm phong số 78/GĐKTHS ngày 13/01/2020 (bên trong phong bì có 0,009 gam mẫu M và 0,004 gam mẫu K cùng vỏ bao gói mẫu M và K), mà Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định hoàn trả sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy

- Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của Lê Văn D là tiền bị cáo bán heroine cho Lê Văn Ch mà có cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, có số thuê bao 0947.708.519 là điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy với Lê Văn Ch cần tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SUFAT, sơn màu nâu, biển số 18L1-148.80, đã qua sử dụng; qua điều tra xác định là của chị Trần Thị Th, sinh năm 1965, ở Đội

3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sáng ngày 12/01/2022, anh Lê Thanh T (là chồng chị Th) cho D mượn xe mô tô nói trên nhưng không biết D sử dụng chiếc xe để đi bán ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại chiếc xe mô tô cho chị Th là chủ sở hữu là phù hợp. Chị Th không có đề nghị thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, có số thuê bao 0913601261, đã qua sử dụng, Lê Văn Ch dùng để gọi điện cho D để mua ma túy; Ch đã làm rơi mất nhưng không xác định được địa điểm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không tiến hành truy tìm vật chứng nên không đặt ra xử lý.

[6] Đối với Đối với Lê Văn Ch là người đi mua ma túy của Lê Văn D về sử dụng ngày 12/01/2020 nhưng số lượng nhỏ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Văn Ch là phù hợp.

Đối với người bán ma túy cho Lê Văn D tại khu vực cầu N, xã Ng, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 11/01/2020, hiện chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”
2. Xử phạt bị cáo Lê Văn D 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2020.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Lê Văn D và Lê Văn Ch mà Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã hoàn trả sau giám định gồm: 0,009 gam mẫu M và 0,004 gam mẫu K cùng toàn bộ vỏ bao gói mẫu M và mẫu K

(Được niêm phong trong phong bì số 78/GĐKTHS ngày 13/01/2020).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng thu giữ từ Lê Văn D do đã bán trái phép ma túy cho Lê Văn Ch mà có.

- Tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, có số thuê bao 0947708519, thu giữ của Lê Văn D.

Vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 27/02/2020.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn D phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo;
- UBND xã N;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương